



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 64

Ngày 01 tháng 11 năm 2013

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 17-10-2013 - Quyết định số 48/2013/QĐ-UBND ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định giá nhà, đất do Nhà nước quản lý theo giá thị trường tại Thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 18-10-2013 - Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh. 17

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- 08-10-2013 - Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị huyện Củ Chi. 38

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 10-10-2013 - Quyết định số 5550/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 3807/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. 50
- 17-10-2013 - Quyết định số 5662/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch phát triển nghề luật sư đến năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh. 52

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

- 08-10-2013 - Quyết định số 3194/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 68
- 08-10-2013 - Quyết định số 3195/QĐ-UBND về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành. 70

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định giá nhà,
đất do Nhà nước quản lý theo giá thị trường
tại Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 9097/STC-BVG ngày 13 tháng 9 năm 2013; số 6376/STC-BVG ngày 11 tháng 7 năm 2013 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2141/STP-VB ngày 13 tháng 6 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về trình tự, thủ tục thẩm định giá nhà, đất do Nhà nước quản lý theo giá thị trường tại Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 281/2003/QĐ-UB ngày 01 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành bản “Quy định về quy trình và phương pháp thẩm định giá bán bất động sản thuộc sở hữu nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh” và Quyết định số 08/2005/QĐ-UB ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh khoản 3, Điều 9 của Quyết định số 281/2003/QĐ-UB ngày 01 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về “Quy định quy trình và phương pháp thẩm định giá bán bất động sản thuộc sở hữu nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận

- huyện, Trưởng Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng các khu đô thị mới, Khu Chế xuất và Công nghiệp, Khu Công nghệ cao, Hội đồng thẩm định giá thành phố cùng các cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về trình tự, thủ tục thẩm định giá nhà, đất do Nhà nước quản lý
theo giá thị trường tại Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2013/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Các trường hợp bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất là tài sản thuộc sở hữu nhà nước. Trừ trường hợp bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho đối tượng tái định cư.

2. Đối tượng áp dụng: Tổ chức và cá nhân quản lý, sử dụng nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 2. Điều kiện pháp lý để thẩm định giá

1. Nguyên tắc:

Tất cả các trường hợp nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đã có quyết định hoặc văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố cho phép mua, bán nhà, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất đều phải thực hiện quy trình thẩm định giá; Hội đồng Thẩm định giá thành phố thẩm định lại và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

2. Cơ sở pháp lý về thẩm định giá:

- Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

- Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

- Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

- Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

- Quyết định số 77/2005/QĐ-BTC ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành 03 tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam (đợt 2);

- Quyết định số 129/2008/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành 06 tiêu chuẩn thẩm định giá (đợt 3).

Trong trường hợp Nhà nước có những quy định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các văn bản nêu trên thì thực hiện theo quy định tại các văn bản này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thành phần hồ sơ thẩm định giá

Hồ sơ được lập thành 02 bộ, gồm:

1. Văn bản cho phép bán nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Ủy ban nhân dân thành phố (2 bản chụp).

2. Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về xác lập quyền sở hữu Nhà nước (2 bản chụp).

3. Văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cung cấp thông tin quy hoạch kiến trúc theo quy định (2 bản chụp).

4. Bản đồ hiện trạng vị trí đất tỷ lệ 1/500 trên nền địa chính mới do đơn vị tư vấn có chức năng đo đạc bản đồ lập, được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra (01 bản chính và 01 bản chụp).

5. Bản vẽ hiện trạng nhà, vật kiến trúc trên đất và biên bản đánh giá tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà, vật kiến trúc trên đất do các đơn vị tư vấn có chức năng lập (nếu có công trình xây dựng trên đất) được đơn vị quản lý tài sản ký xác nhận (01 bản chính và 01 bản chụp).

6. Chứng thư kèm báo cáo kết quả định giá do đơn vị tư vấn có chức năng lập (01 bản chính và 01 bản chụp).

7. Văn bản đề nghị thẩm định giá của đơn vị đang quản lý, sử dụng nhà, đất (01 bản chính và 01 bản chụp).

Điều 4. Thẩm định giá trị quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất được xác định trên cơ sở diện tích đất và đơn giá quyền sử dụng đất.

1. Đối với diện tích:

a) Diện tích đất để tính tiền sử dụng đất khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất được căn cứ theo Bản đồ hiện trạng vị trí đất tỷ lệ 1/500 trên nền địa chính mới do đơn vị có chức năng đo đạc bản đồ lập, được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

b) Đối với diện tích đất nằm trong phạm vi quy hoạch lộ giới, hẻm giới, hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật, Nhà nước sẽ quản lý thì không phải thẩm định giá trị quyền sử dụng đất phần diện tích đất này.

c) Việc phân bổ tiền sử dụng đất đối với trường hợp công trình xây dựng nhiều tầng gắn liền với đất được Nhà nước giao đất cho nhiều đối tượng sử dụng thực hiện theo Điều 2.1, Khoản 2, Điều 1, Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính.

2. Về đơn giá quyền sử dụng đất:

a) Đơn giá quyền sử dụng đất do đơn vị tư vấn thẩm định giá xác định và Hội đồng Thẩm định giá thành phố thẩm định lại theo các phương pháp do Chính phủ quy định và các tiêu chuẩn thẩm định giá do Bộ Tài chính ban hành (nêu tại Khoản 2, Điều 2 Quy định này).

b) Thông số kỹ thuật được sử dụng nếu áp dụng trong phương pháp thặng dư và phương pháp thu nhập như sau:

b.1) Tỷ suất chiết khấu = Tỷ suất vốn hóa = Tỷ lệ an toàn + Phụ phí rủi ro

Tỷ suất chiết khấu hàng năm của dự án được tính theo lãi suất cho vay kinh doanh bất động sản trung hạn bình quân của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) công bố ở thời điểm thẩm định giá.

b.2) Lãi suất vốn vay ngân hàng: Được tính theo lãi suất cho vay kinh doanh bất động sản trung hạn bình quân của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố nêu trên công bố ở thời điểm thẩm định giá.

b.3) Đơn giá xây dựng công trình: Theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản điều chỉnh có liên quan. Đối với các công trình xây dựng đặc thù thì Hội đồng Thẩm định giá thành phố báo cáo, xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

b.4) Lợi nhuận của nhà đầu tư: Được tính theo lãi suất huy động tiền bằng đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng bình quân của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố nêu trên công bố hàng tháng (loại trả lãi sau) cộng thêm phí quản lý 2%/năm trên tổng doanh thu của dự án.

3. Về thời điểm thẩm định giá:

Giá trị quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất được thẩm định tại thời điểm Hội đồng Thẩm định giá thành phố thẩm định giá.

Điều 5. Thẩm định giá trị xây dựng còn lại của nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc trên đất

Giá trị công trình xây dựng còn lại của nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc trên đất được tính theo công thức như sau:

$$G_{CTXD} = Đ_{XD} \times DT_{SXD} \times T_{CLCL}$$

Trong đó:

1. G_{CTXD} : Giá trị xây dựng còn lại của nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc trên đất.

2. $Đ_{XD}$: Đơn giá xây dựng mới được xác định căn cứ vào đơn giá công trình xây dựng có kết cấu tương tự theo Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân thành

phổ ban hành chưa có quy định thì Sở Xây dựng hướng dẫn những trường hợp phát sinh này.

3. DT_{SXD} : Diện tích sàn xây dựng căn cứ vào bản vẽ hiện trạng nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc trên đất của đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện. Đối với diện tích sàn xây dựng có một phần diện tích xây dựng nằm trên đất thuộc quy hoạch Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng được duyệt thì tính toán như sau:

- Trong trường hợp chưa có quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư vẫn tính giá trị công trình xây dựng theo quy định nêu trên, khi Nhà nước thu hồi sẽ được bồi thường theo quy định.

- Trong trường hợp đã có quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án, thì không phải xác định giá trị công trình xây dựng trên phần diện tích này.

4. T_{CLCL} : Tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc trên đất còn lại căn cứ vào biên bản đánh giá tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà, xưởng, công trình, vật kiến trúc trên đất do đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện.

Điều 6. Thời gian thẩm định giá

Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, sau khi nhận được đủ hồ sơ theo Điều 3 Quy định này, Hội đồng Thẩm định giá thành phố tiến hành thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định phê duyệt giá.

Điều 7. Hướng dẫn việc nộp tiền và tổ chức bán đấu giá nhà đất

1. Đối với các trường hợp bán đấu giá nhà, đất:

a) Sau khi nhận được Quyết định phê duyệt giá khởi điểm của Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, Sở Tài chính có văn bản hướng dẫn đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất chọn đơn vị có chức năng bán đấu giá tài sản để ký hợp đồng bán đấu giá, tổ chức bán đấu giá và phương thức nộp tiền trúng đấu giá theo Khoản 1, Điều 8 Quy định này.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn của Sở Tài chính, đơn vị quản lý, sử dụng nhà đất phải ký kết hợp đồng bán đấu giá với đơn vị có chức năng đấu giá tài sản theo nội dung được quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định này.

- Đơn vị có chức năng đấu giá tài sản phải tổ chức bán đấu giá tài sản trong thời gian không quá 40 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

b) Trình tự, thủ tục bán đấu giá được thực hiện theo quy định pháp luật về bán đấu giá tài sản.

c) Trường hợp nhà, đất đã được thông báo, niêm yết công khai việc bán đấu giá nhưng quá thời gian công khai theo quy định không có người đăng ký mua thì đơn vị có chức năng bán đấu giá có trách nhiệm gửi văn bản báo cho đơn vị quản lý nhà, đất để đơn vị quản lý tài sản có văn bản báo cáo, đề xuất để Hội đồng Thẩm định giá thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố cho tiến hành tổ chức bán đấu giá lại.

d) Trường hợp nhà, đất đã được thông báo, niêm yết công khai việc bán đấu giá nhưng quá thời gian công khai theo quy định chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá thì đơn vị có chức năng bán đấu giá có trách nhiệm gửi văn bản báo cho đơn vị quản lý nhà, đất để đơn vị quản lý tài sản có văn bản báo cáo gửi Hội đồng Thẩm định giá thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố bán chỉ định theo quy định.

2. Đối với các trường hợp còn lại:

Sau khi nhận được Quyết định phê duyệt giá của Ủy ban nhân dân thành phố, trong thời gian 07 ngày làm việc, Sở Tài chính hướng dẫn việc nộp tiền theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

Điều 8. Thời hạn thanh toán tiền mua nhà, đất và nộp tiền sử dụng đất

1. Đối với trường hợp bán đấu giá: Người mua trúng đấu giá có trách nhiệm thanh toán tiền mua nhà, đất cho đơn vị bán đấu giá tài sản trong thời hạn được cơ quan có thẩm quyền thông báo theo quy định. Người trúng đấu giá nộp tiền chậm so với thời hạn quy định thì phải nộp tiền phạt chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế. Trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày người mua trúng đấu giá thanh toán tiền mua nhà, đất và tiền phạt do chậm thanh toán (nếu có), đơn vị bán đấu giá tài sản có trách nhiệm nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh (nơi có cơ sở nhà, đất); Bộ, ngành làm chủ tài khoản đối với cơ quan, đơn vị thuộc Trung ương quản lý; Sở Tài chính làm chủ tài khoản đối với cơ quan, đơn vị thuộc địa phương quản lý. Đơn vị bán đấu giá tài sản chậm nộp tiền bán đấu giá nhà, đất sẽ phải chịu phạt chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

2. Đối với trường hợp bán chỉ định, chuyển mục đích sử dụng đất: Người mua có trách nhiệm nộp tiền mua nhà, đất, chuyển mục đích sử dụng đất vào ngân sách nhà nước trong thời hạn được cơ quan có thẩm quyền thông báo theo quy định. Người mua nộp tiền chậm so với thời hạn quy định thì phải nộp tiền phạt chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế. Thời gian chịu lãi phạt chậm nộp không quá 12

tháng. Quá thời hạn phạt chậm nộp này mà người mua chưa hoàn tất việc nộp tiền mua nhà, đất, chuyển mục đích sử dụng đất và lãi phạt chậm nộp thì đơn vị quản lý tài sản có văn bản báo cáo Sở Tài chính để Sở Tài chính tổng hợp trình cơ quan cho phép bán chỉ định, chuyển mục đích sử dụng đất việc chấm dứt bán chỉ định, chuyển mục đích sử dụng đất.

3. Người mua nộp lệ phí trước bạ tài sản theo quy định và thuế giá trị gia tăng phần giá trị xây dựng còn lại của công trình, vật kiến trúc trên đất (nếu có). Cơ quan Thuế có trách nhiệm hướng dẫn người mua thực hiện nghĩa vụ thuế.

Điều 9. Chi phí liên quan được khấu trừ vào số tiền thu được từ mua bán nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất

1. Các chi phí liên quan được trừ gồm:

a) Chi phí đo vẽ nhà, đất;

b) Chi phí thẩm định giá và chi phí tổ chức bán đấu giá;

c) Chi phí di dời theo chế độ quy định, gồm:

- Chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt thiết bị, máy móc khi thực hiện di dời và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt;

- Chi phí hỗ trợ để di dời các hộ gia đình, cá nhân đã bố trí làm nhà ở trong khuôn viên cơ sở nhà, đất (nếu có).

d) Các chi phí khác có liên quan.

2. Trường hợp nhà, đất được duyệt bán chỉ định, chuyển mục đích sử dụng đất, sau khi mức giá được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt mà đơn vị, tổ chức, cá nhân được mua nhà, đất không có nhu cầu tiếp tục mua thì toàn bộ chi phí liên quan đến lập thủ tục định giá (chi phí đo vẽ, thuê tư vấn định giá...) do đơn vị, tổ chức, cá nhân mua nhà tạm ứng thanh toán sẽ không được hoàn trả.

3. Trường hợp thẩm định giá lại do bán đấu giá không thành, các chi phí có liên quan do đơn vị quản lý tài sản chi trả được khấu trừ vào số tiền thu được từ mua bán nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Điều 10. Nguyên tắc xác định nghĩa vụ tài chính nộp bổ sung khi điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc

1. Đối với trường hợp người mua đã hoàn tất nghĩa vụ tài chính về đất theo mức giá đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hoặc giá trúng đấu giá và đề nghị

thay đổi quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng và được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận thì phải xác định nghĩa vụ tài chính để nộp bổ sung theo nguyên tắc như sau:

Nghĩa vụ tài chính phải nộp bổ sung được tính theo nguyên tắc là phần chênh lệch tăng thêm giữa giá trị quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc xác định khi bán đấu giá, bán chỉ định, chuyển mục đích sử dụng đất theo các chỉ tiêu quy hoạch điều chỉnh tại thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố cho phép điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc.

2. Đối với trường hợp đặc biệt do Nhà nước quyết định điều chỉnh giảm chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc sau khi người mua đã hoàn tất nghĩa vụ tài chính về đất thì người sử dụng đất được hoàn trả số tiền sử dụng đất được xác định lại bằng chênh lệch số tiền sử dụng đất theo các chỉ tiêu quy hoạch cũ trừ đi số tiền sử dụng đất theo các chỉ tiêu quy hoạch mới (nếu có).

3. Không xác định nghĩa vụ tài chính để hoàn trả khi người sử dụng đất đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch giảm.

Điều 11. Xác định nghĩa vụ tài chính nộp bổ sung hoặc hoàn trả khi điều chỉnh số liệu diện tích đất và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc không thay đổi

Trường hợp khi bàn giao đất thực tế cho người mua, nếu diện tích đất thực tế tăng hoặc giảm so với diện tích được sử dụng khi xác định giá bán và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc không thay đổi thì số tiền phải nộp tăng thêm hoặc giảm đi được tính theo công thức:

$$= \frac{\text{Giá trị quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hoặc giá trúng đấu giá}}{\text{Diện tích đất được sử dụng khi xác định giá bán}} \times \text{Phần diện tích đất tăng hoặc giảm}$$

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các sở - ngành, các đơn vị có liên quan

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ban Quản lý các khu đô thị: Có trách nhiệm cung cấp thông tin chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo quy định.

Các trường hợp thẩm định giá bán căn hộ chung cư hoặc nhà ở nhiều tầng, nhiều hộ sử dụng không cần có thông tin chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc mà căn cứ vào hiện trạng kiến trúc, diện tích sàn xây dựng hiện hữu để thẩm định giá.

2. Đơn vị quản lý, sử dụng nhà, đất:

a) Liên hệ các đơn vị tư vấn có chức năng đo đạc bản đồ lập Bản đồ hiện trạng vị trí đất tỷ lệ 1/500 trên nền địa chính mới trình cơ quan có thẩm quyền kiểm duyệt theo quy định.

b) Liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cung cấp thông tin chỉ tiêu quy hoạch theo quy định.

c) Liên hệ Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà nước đối với trường hợp nhà, xưởng chưa xác lập quyền sở hữu nhà nước (nếu có nhà, xưởng trên đất).

d) Liên hệ các đơn vị tư vấn có chức năng đo vẽ và lập Bản vẽ hiện trạng nhà, vật kiến trúc trên đất và biên bản đánh giá tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà, vật kiến trúc trên đất và đơn vị quản lý tài sản ký xác nhận (nếu có nhà, xưởng trên đất).

đ) Sau khi có bản vẽ, chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc, tiến hành tổ chức đấu thầu hoặc chỉ định thầu đơn vị tư vấn có chức năng thẩm định giá (các đơn vị có tên trong danh sách doanh nghiệp thẩm định giá do Bộ Tài chính thông báo) theo hướng dẫn tại Phần B, Mục II, Thông tư số 17/2006/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 101/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thẩm định giá để tiến hành ký hợp đồng thuê tư vấn định giá lập Chứng thư kèm báo cáo kết quả định giá.

e) Căn cứ phương án phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền cho phép bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đơn vị quản lý sử dụng nhà, đất có trách nhiệm nộp hồ sơ theo Điều 3 Quy định này.

3. Sở Xây dựng: Hướng dẫn thủ tục xác lập quyền sở hữu nhà nước cho đơn vị, cá nhân quản lý, sử dụng nhà để thực hiện theo phân cấp (Quận, huyện hoặc thành phố) hiện hành đối với nhà, xưởng chưa thực hiện việc xác lập quyền sở hữu nhà nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Kiểm tra Bản đồ hiện trạng vị trí đất tỷ lệ 1/500 đối với người mua là tổ chức và tài sản bán đấu giá (trừ các trường hợp nhà, đất do Ủy ban nhân dân quận, huyện

quản lý) trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Bản đồ hiện trạng vị trí đất do đơn vị đo đạc bản đồ cung cấp;

b) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi tổ chức sử dụng đất đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện quản lý phần diện tích đất trong lộ giới đối với các tổ chức, cá nhân mua nhà, đất theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm:

a) Cung cấp thông tin chi tiêu quy hoạch kiến trúc theo quy định.

b) Kiểm tra Bản đồ hiện trạng vị trí đất tỷ lệ 1/500 đối với người mua là cá nhân và các trường hợp nhà, đất do Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Bản đồ hiện trạng vị trí đất do đơn vị đo đạc bản đồ cung cấp.

c) Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất sau khi cá nhân sử dụng đất đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định.

d) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý phần diện tích đất trong lộ giới đối với các tổ chức, cá nhân mua nhà, đất theo quy định.

6. Hội đồng Thẩm định giá thành phố:

a) Thường trực Hội đồng Thẩm định giá thành phố (Sở Tài chính): có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ báo cáo, trình Hội đồng Thẩm định giá thành phố tổ chức họp thẩm định.

b) Hội đồng Thẩm định giá thành phố tổ chức họp thẩm định giá và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá, giá mua, giá bán chỉ định nhà và giá chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

c) Giải quyết các nội dung có liên quan đến giá khởi điểm bán đấu giá, giá mua, giá bán chỉ định nhà và giá chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

7. Sở Tài chính có trách nhiệm: Hướng dẫn thu nộp tiền vào ngân sách và xác nhận tổ chức, cá nhân sử dụng đất đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo Điều 7 Quy định này.

8. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo đúng thời hạn quy định. Trường hợp xử lý hồ sơ không đúng thời hạn quy định làm ảnh hưởng đến tiến độ mua bán nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh thì Giám đốc Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và Thủ trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về chuyên môn, nghiệp vụ được phân công.

Điều 13. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các hồ sơ thẩm định giá nhà, đất đã nộp Chứng thư kèm báo cáo kết quả thẩm định giá cho Sở Tài chính trước ngày Quy định này có hiệu lực thì áp dụng theo Quyết định số 281/2003/QĐ-UB ngày 01 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành bản “Quy định về quy trình và phương pháp thẩm định giá bán bất động sản thuộc sở hữu nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh” và Quyết định số 08/2005/QĐ-UB ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh khoản 3, Điều 9 của Quyết định số 281/2003/QĐ-UB ngày 01 tháng 12 năm 2003.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy định này, khi xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Tài chính kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 92/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BNV ngày 21 tháng 8 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Mục III Phần I Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Ban Thi đua -

Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BNV ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của tổ chức Văn thư, Lưu trữ Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BNV ngày 20 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 04/2011/TT-BNV ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn bổ sung nhiệm vụ, tổ chức và biên chế của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện về công tác thanh niên;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BNV ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 722/TTr-SNV ngày 09 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 28/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về nội vụ, bao gồm các lĩnh vực: tổ chức bộ máy; biên chế các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; viên chức quản lý Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn; tổ chức hội, tổ chức phi Chính phủ; công tác thanh niên; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua - khen thưởng.

2. Sở Nội vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để hoạt động theo quy định.

Trụ sở làm việc của Sở Nội vụ đặt tại số 86B, đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Sở Nội vụ chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nội vụ.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm và các đề án, dự án; chương trình biện pháp tổ chức thực hiện thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án, chương trình đã được phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

3. Về tổ chức bộ máy:

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc phân cấp quản lý về tổ chức bộ máy đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện;

b) Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức cơ quan chuyên môn, các đơn vị thuộc cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan chuyên môn theo quy định;

c) Thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc thành lập, đổi tên, giải thể, sáp nhập các tổ chức tư vấn, phối hợp liên ngành của thành phố theo quy định của pháp luật;

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy định để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền;

đ) Thẩm định đề án và thỏa thuận việc thành lập mới, tăng hoặc bổ sung chức năng, nhiệm vụ hoặc tổ chức lại các phòng, ban chuyên môn thuộc các Sở, ngành và tương đương;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan hướng dẫn, trình Ủy ban nhân dân thành phố việc thực hiện phân loại, xếp hạng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện, tổng hợp báo cáo theo quy định.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố các văn bản chỉ đạo về thực hiện quy chế dân chủ; Hướng dẫn và phối hợp kiểm tra các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố; tổng hợp báo cáo theo quy định.

5. Công tác xây dựng chính quyền địa phương:

a) Hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân xã - thị trấn; Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn theo quy định;

b) Tổ chức và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu Quốc hội theo quy định; kiểm tra việc tổ chức thực hiện; tổng hợp kết quả bầu cử và báo cáo theo quy định;

c) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân quận - huyện. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ủy ban nhân dân thành phố; trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn kết quả bầu cử thành viên Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật;

d) Tham mưu giúp Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, đại biểu Hội đồng nhân dân xã - thị trấn; thống kê số lượng, chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, thành viên Ủy ban nhân dân thành phố, quận - huyện, phường - xã, thị trấn để tổng hợp báo cáo theo quy định;

đ) Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan giúp Ban Chỉ đạo đề án xây dựng thí điểm chính quyền đô thị Thành phố Hồ Chí Minh; trình đề án xây dựng thí điểm chính quyền đô thị Thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức triển khai thực hiện khi được Trung ương cho phép.

6. Về công tác địa giới hành chính và phân loại đơn vị hành chính:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các nguyên tắc về quản lý, phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn thành phố theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

b) Theo dõi, quản lý địa giới hành chính của thành phố theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Nội vụ; chuẩn bị các đề án, thủ tục đề nghị thành lập mới, sáp nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới, đổi tên, phân loại đơn vị hành chính, nâng

cấp đô thị theo quy định; hướng dẫn và tổ chức thực hiện sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết các vấn đề tranh chấp địa giới hành chính; tổng hợp đề thành phố báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề về tranh chấp địa giới hành chính còn có ý kiến khác nhau;

d) Tổng hợp và quản lý hồ sơ địa giới, mốc, chỉ giới hành chính của thành phố theo hướng dẫn và quy định của Bộ Nội vụ;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân theo quy định. Thẩm định và tham mưu việc thành lập, sáp nhập, chia tách ấp, khu phố theo quy định.

7. Về công tác cán bộ, công chức, viên chức:

a) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; viên chức quản lý ở doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu; cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn;

b) Trình Ủy ban nhân dân thành phố các đề án về phân công, phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn; chính sách, chế độ tiền lương, trợ cấp và các chế độ khác đối với cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ bầu cử; luân chuyển, kỷ luật, khen thưởng cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn; cơ cấu công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

c) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản về tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Nội vụ; Hướng dẫn, kiểm tra việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng và việc thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của pháp luật;

d) Thống nhất quản lý và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở trong và ngoài nước sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

đ) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định hoặc quyết định theo

thẩm quyền việc tuyển dụng, đánh giá, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quản lý;

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn chức danh và cơ cấu công chức, viên chức; tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn theo quy định của pháp luật và của Bộ Nội vụ; việc phân cấp quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật.

8. Về quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp:

a) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thẩm định đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc thành phố; tổng hợp xây dựng đề án vị trí việc làm hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố và có văn bản gửi Bộ Nội vụ theo quy định.

Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ, giúp Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp đối với cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện;

c) Hướng dẫn, quản lý, kiểm tra việc sử dụng biên chế đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp chung việc thực hiện các quy định về chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế đối với cơ quan nhà nước và quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

9. Về công tác cải cách hành chính:

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân công các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách các nội dung, công việc của cải cách hành chính, bao gồm: cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền

hành chính; theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước trong thành phố; phối hợp các cơ quan ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn thành phố triển khai cải cách hành chính;

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn triển khai công tác cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của thành phố đã được phê duyệt; việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các sở - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Định kỳ hàng quý báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố công tác cải cách hành chính; giúp Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng báo cáo với Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ về công tác cải cách hành chính theo quy định.

10. Về công tác tổ chức hội và các tổ chức phi Chính phủ trên địa bàn thành phố:

a) Thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền cho phép thành lập, giải thể, phê duyệt điều lệ của hội, quỹ trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ đối với hội, quỹ trong thành phố. Trình Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo thẩm quyền đối với các hội, quỹ vi phạm các quy định của pháp luật, Điều lệ hội, quỹ;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về chế độ, chính sách đối với tổ chức hội có tính chất đặc thù theo quy định của pháp luật;

d) Định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội trên địa bàn thành phố báo cáo Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân thành phố.

11. Về công tác thanh niên:

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên; dự thảo các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước về công tác thanh niên trên địa bàn thành phố;

b) Tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên sau khi được phê duyệt;

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức có liên quan của thành phố trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh niên; giải quyết những vấn đề quan trọng, liên ngành về thanh niên và công tác thanh niên;

d) Phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy, các cơ quan liên quan, Thành Đoàn và các tổ chức khác của thanh niên trong việc thực hiện cơ chế, chính sách đối với thanh niên và công tác thanh niên;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên; việc thực hiện chính sách, chế độ trong tổ chức và quản lý thanh niên, công tác thanh niên của thành phố;

e) Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về thanh niên do Ủy ban nhân dân thành phố giao theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến thanh niên và công tác thanh niên được Ủy ban nhân dân thành phố giao theo quy định của pháp luật;

h) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác thanh niên đối với các sở, cơ quan ngang sở, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn;

i) Hàng năm báo cáo tình hình hoạt động công tác thanh niên về Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nội vụ;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác thanh niên do Ủy ban nhân dân thành phố giao theo quy định của pháp luật.

12. Về công tác nhân sự đối với viên chức quản lý doanh nghiệp:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức; giải quyết thủ tục nghỉ hưu, nghỉ việc, kỷ luật Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kiểm soát viên theo quy định;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố việc cử người đại diện vốn theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chuyển xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn các chức danh lãnh đạo, quản lý các

doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố việc đánh giá hàng năm đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kiểm soát viên trong việc quản lý, điều hành công ty;

đ) Phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định việc thành lập, sáp nhập, bán, giải thể, tổ chức sắp xếp, tái cơ cấu các doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu theo kế hoạch, lộ trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

e) Phối hợp các cơ quan có liên quan thẩm định việc xếp hạng các doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định; thẩm định Quỹ lương hàng năm của Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng;

g) Tổ chức kiểm tra nghiệp vụ về công tác tổ chức các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo chương trình, kế hoạch được phê duyệt;

h) Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch chuyên môn, chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hoặc theo chuyên đề. Tổ chức thực hiện công tác thi đua và phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng đề xuất khen thưởng các doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc thành phố;

i) Tham gia kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ở doanh nghiệp;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố giao theo quy định của pháp luật.

13. Về công tác pháp chế:

13.1. Về công tác xây dựng pháp luật

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố liên quan đến ngành Nội vụ ở thành phố;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và Sở Tư pháp lập dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ngành Nội vụ hàng năm của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị hồ sơ dự thảo văn bản

quy phạm pháp luật liên quan đến ngành ở thành phố và đề nghị bằng văn bản đề cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý hoặc đề nghị Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

d) Chủ trì hoặc tham gia soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố;

đ) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan khác gửi lấy ý kiến.

13.2. Về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thường xuyên rà soát, định kỳ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước ở thành phố;

b) Định kỳ 6 tháng, hàng năm xây dựng báo cáo gửi Sở Tư pháp để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật và đề xuất phương án xử lý những quy phạm pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, trái pháp luật hoặc không còn phù hợp.

13.3. Về công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

a) Phối hợp với Sở Tư pháp kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật gửi Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

13.4. Về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật dài hạn, hàng năm trong phạm vi ngành ở thành phố và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật trong phạm vi ngành ở thành phố; hướng dẫn, kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của các đơn vị thuộc Sở;

c) Chủ trì và phối hợp với các đơn vị tổ chức xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật tại Sở.

13.5. Về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện công tác kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành Nội vụ theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện pháp luật;

c) Chủ trì xây dựng báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong phạm vi ngành Nội vụ gửi Sở Tư pháp.

13.6. Về công tác bồi thường của Nhà nước

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện công tác bồi thường của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

13.7. Về công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp trong việc thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

13.8. Về công tác tham mưu về các vấn đề pháp lý và tham gia tố tụng

a) Tham gia ý kiến về mặt pháp lý đối với việc xử lý các vấn đề trong phạm vi ngành Nội vụ;

b) Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về các vấn đề pháp lý khi tham gia tố tụng để bảo vệ lợi ích hợp pháp của cơ quan theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham gia xử lý, đề xuất, kiến nghị các biện pháp phòng ngừa, khắc phục hậu quả các vi phạm pháp luật, nội quy, quy chế theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

13.9. Về thi đua, khen thưởng trong công tác pháp chế

Phối hợp với các đơn vị có liên quan đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác pháp chế.

13.10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc theo quy định của pháp luật.

14. Về công tác văn thư, lưu trữ:

14.1. Công tác quản lý nhà nước về văn thư, lưu trữ:

- a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy hoạch, kế hoạch dài hạn, hàng năm, các chương trình, đề án, dự án và tổ chức thực hiện chế độ, quy định về văn thư, lưu trữ;
- b) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, quy định về văn thư, lưu trữ;
- c) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Danh mục nguồn và thành phần tài liệu thuộc diện nộp vào Lưu trữ lịch sử của thành phố”;
- d) Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt “Danh mục tài liệu hết giá trị” của Lưu trữ lịch sử của thành phố;
- đ) Thẩm định “Danh mục tài liệu hết giá trị” bảo quản tại cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử của thành phố;
- e) Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào công tác văn thư, lưu trữ;
- g) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư, lưu trữ;
- h) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về văn thư, lưu trữ;
- i) Thực hiện báo cáo, thống kê về văn thư, lưu trữ;
- k) Sơ kết, tổng kết công tác văn thư, lưu trữ;
- l) Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng về văn thư, lưu trữ.

14.2 Thực hiện nhiệm vụ của Lưu trữ lịch sử của thành phố:

- a) Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu chuẩn bị hồ sơ, tài liệu đến hạn nộp lưu;
- b) Thu thập hồ sơ, tài liệu đến hạn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử của thành phố;
- c) Phân loại, chỉnh lý, xác định giá trị, thống kê, sắp xếp hồ sơ, tài liệu;
- d) Bảo vệ, bảo quản, thống kê tài liệu lưu trữ;
- đ) Tu bổ, phục chế và bảo hiểm tài liệu lưu trữ;
- e) Xây dựng công cụ tra cứu và tổ chức phục vụ khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ;
- g) Thực hiện một số dịch vụ công về lưu trữ;
- h) Quản lý tài chính, tài sản và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

15. Về công tác tôn giáo:

- a) Xây dựng trình Ủy ban nhân dân thành phố các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tôn giáo;

b) Xây dựng trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành chương trình, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm về lĩnh vực tôn giáo;

c) Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chương trình, quy hoạch, kế hoạch dài hạn năm năm và hàng năm về lĩnh vực tôn giáo sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về tôn giáo đối với cán bộ, công chức, viên chức và tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành, nhân sỹ các tôn giáo trong phạm vi quản lý của thành phố;

đ) Giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết những vấn đề cụ thể về tôn giáo theo quy định của pháp luật. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết những vấn đề phát sinh trong tôn giáo; là đầu mối liên hệ giữa chính quyền địa phương với các tổ chức tôn giáo;

e) Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tôn giáo theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác tôn giáo cho công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý;

h) Thực hiện việc áp dụng chính sách đãi ngộ đối với những tổ chức, cá nhân tôn giáo;

i) Thực hiện việc nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tôn giáo, tổng kết thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách đối với tôn giáo;

k) Hướng dẫn tổ chức làm công tác quản lý nhà nước về tôn giáo thuộc Phòng Nội vụ quận - huyện giải quyết những vấn đề cụ thể về tôn giáo theo quy định của pháp luật;

l) Quản lý về tổ chức, biên chế, tài chính, tài sản, cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật;

m) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao theo quy định của pháp luật.

16. Về công tác thi đua, khen thưởng:

16.1. Là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố;

16.2. Thực hiện các nhiệm vụ:

a) Xây dựng trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành chương trình, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm về lĩnh vực thi đua, khen thưởng;

b) Xây dựng trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực thi đua, khen thưởng; hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm, các đề án và dự án về lĩnh vực thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

c) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố tổ chức các phong trào thi đua; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, địa phương, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và các tổ chức kinh tế thực hiện các phong trào thi đua và chính sách khen thưởng của Đảng, Nhà nước trên địa bàn thành phố;

d) Chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ở thành phố và các cơ quan thông tin đại chúng phát hiện, tuyên truyền và nhân rộng các điển hình tiên tiến;

đ) Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm công tác thi đua, khen thưởng ở các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng;

e) Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra những vấn đề liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

16.3. Thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các sở, ban, ngành, địa phương, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các tổ chức kinh tế ở địa phương và cơ sở, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

16.4. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng theo quy định của pháp luật; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng; tổng hợp, báo cáo định kỳ về thi đua, khen thưởng theo quy định.

16.5. Xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật; quản lý, cấp phát, thu hồi, cấp đổi hiện vật khen thưởng theo phân cấp; tham mưu tổ chức thực hiện việc trao tặng, đón nhận các hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

16.6. Quản lý về tổ chức, bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản được giao; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật.

16.7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện công tác hợp tác quốc tế về nội vụ và các lĩnh vực công tác được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

18. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra về công tác nội vụ; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý các vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực công tác được Ủy ban nhân dân thành phố giao theo quy định của pháp luật.

19. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác nội vụ và các lĩnh vực khác được giao đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

20. Tổng hợp, thống kê theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về tổ chức các cơ quan hành chính, sự nghiệp; số lượng đơn vị hành chính quận - huyện, phường - xã, thị trấn và khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân; số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; viên chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn; công tác thanh niên; công tác văn thư lưu trữ nhà nước, công tác tôn giáo, công tác thi đua khen thưởng và các lĩnh vực khác được giao theo quy định của pháp luật.

21. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ, số liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

22. Thực hiện công tác cải cách hành chính theo ngành, lĩnh vực nhà nước của Sở. Chỉ đạo và hướng dẫn tổ chức các hoạt động dịch vụ công trong các lĩnh vực công tác thuộc phạm vi quản lý của Sở.

23. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định với Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Nội vụ.

24. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản; thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức thuộc Sở theo quy định.

25. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền hạn của Sở Nội vụ

1. Được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân xã, thị trấn và các cuộc họp định kỳ của Ủy ban nhân dân các quận - huyện.

2. Xem xét, thỏa thuận đề Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập hoặc tổ chức lại các phòng, ban chuyên môn trực thuộc.

3. Quyết định tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức đối với các cơ quan Trung ương, tỉnh, thành phố khác, lực lượng Công an, Quân đội chuyển ngành, các doanh nghiệp và các đoàn thể đến công tác tại cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc biên chế thành phố theo phân cấp.

4. Quyết định:

a) Bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch chuyên viên và tương đương; chuyển xếp lại ngạch, bậc lương cho cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương không giữ chức vụ lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, quận - huyện và tương đương.

b) Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với:

- Cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên chính và tương đương (trừ cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo do cấp trên bổ nhiệm).

- Cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống (trừ cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo do cấp trên bổ nhiệm và các đơn vị đã được phân cấp cho các sở, quận - huyện).

- Cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được xếp hạng I; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hạng II, hạng III (trừ các đơn vị sự nghiệp hạng III đã được phân cấp cho các sở, quận - huyện).

- Viên chức quản lý doanh nghiệp: Phó Giám đốc, Kế toán trưởng doanh nghiệp được xếp hạng I; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng doanh nghiệp hạng II, hạng III.

c) Xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên; xét chuyển viên chức thành công chức theo quy định.

d) Công nhận kết quả tuyển dụng viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố.

5. Quyết định điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo, cung cấp thông tin về các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở Nội vụ.

7. Tổ chức cuộc họp với các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân thành phố để phổ biến, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở Nội vụ.

8. Thực hiện thanh tra theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Nội vụ; kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trong việc thực hiện các quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố về công tác nội vụ và các mặt công tác khác thuộc phạm vi trách nhiệm của Sở Nội vụ; đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố về biện pháp giải quyết hoặc trực tiếp giải quyết những vấn đề phát sinh theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 5. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Sở:

a) Sở Nội vụ có Giám đốc và các Phó Giám đốc;

b) Giám đốc là người đứng đầu Sở, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Phó Giám đốc Sở là người giúp Giám đốc Sở chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Sở;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc, Phó Giám đốc Sở theo các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác cán bộ và theo quy định của pháp luật;

đ) Việc miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, từ chức, nghỉ

hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở như sau:

- a) Văn phòng;
- b) Thanh tra;
- c) Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở;
- d) Ban Tôn giáo;
- đ) Ban Thi đua - Khen thưởng;
- e) Chi cục Văn thư - Lưu trữ.

Căn cứ tính chất, đặc điểm, yêu cầu nhiệm vụ trong từng thời kỳ của Sở, Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc thành lập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và đơn vị trực thuộc khác theo quy định của pháp luật và đặc thù của thành phố.

Điều 6. Biên chế

Biên chế của Sở Nội vụ do Ủy ban nhân dân thành phố giao trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp của thành phố.

Chương IV CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 7. Đối với Bộ Nội vụ

1. Sở Nội vụ chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nội vụ; Sở Nội vụ báo cáo kết quả hoạt động và chương trình, kế hoạch công tác, dự các cuộc họp do Bộ Nội vụ triệu tập.

2. Khi chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Nội vụ chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố hoặc chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ phải kịp thời báo cáo và đề xuất để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ Nội vụ hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 8. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Nội vụ chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Đối với những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở mà Sở Nội vụ và các sở - ngành, quận - huyện còn ý kiến khác nhau, Giám đốc Sở Nội vụ báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 9. Đối với các Ban của Thành ủy

Sở Nội vụ phối hợp với các Ban của Thành ủy để tiếp nhận ý kiến chỉ đạo của Thường trực Thành ủy; tham khảo ý kiến của các Ban Đảng khi thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở.

Điều 10. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể thành phố

Sở Nội vụ chủ động tham khảo ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể thành phố trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở nhằm phối hợp thực hiện những chủ trương, chính sách của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 11. Đối với các cơ quan chuyên môn thành phố

1. Sở Nội vụ quan hệ với các cơ quan chuyên môn thành phố theo nguyên tắc phối hợp công việc, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung của thành phố và nhiệm vụ của từng cơ quan; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước và của thành phố liên quan đến công tác nội vụ theo quy định của pháp luật và của thành phố.

2. Trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề về chủ trương, chính sách có liên quan đến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ phải trao đổi ý kiến với các cơ quan chuyên môn có liên quan.

Điều 12. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân quận-huyện thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước và của thành phố các nội dung công tác chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tổ chức bộ máy và nhân sự tại địa phương.

2. Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Nội vụ quận - huyện; đề ra thang điểm thi đua làm cơ sở để Phòng Nội vụ quận - huyện thực hiện hàng năm; nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ để biểu dương hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng theo quy định.

3. Trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề về chính sách, chủ

trương liên quan đến quận - huyện, Sở Nội vụ phải trao đổi ý kiến với Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy chế này.

Điều 14. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Nội vụ đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2013/QĐ-UBND

*Củ Chi, ngày 08 tháng 10 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Phòng Quản lý đô thị huyện Củ Chi****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ ban hành về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2008/TTLT-BXD-BNV ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2008/TTLT-BGTVT-BNV ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; Quyết định số 62/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm

2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 79/2010/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 8079/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc thành lập Phòng Quản lý đô thị huyện Củ Chi;

Căn cứ Quyết định số 4940/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc thành lập Đội Quản lý trật tự đô thị thuộc Phòng Quản lý đô thị huyện Củ Chi;

Căn cứ Quyết định số 6592/QĐ-UBND ngày 04 tháng 07 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đô thị huyện tại Tờ trình số 3213/TTr-PQLĐT ngày 26 tháng 8 năm 2013 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị huyện;

Xét Văn bản số 406/TP ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Trưởng Phòng Tư pháp huyện về việc thẩm định dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị huyện và đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 914/TTr-PNV ngày 02 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị huyện Củ Chi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Trưởng Phòng Quản lý đô thị huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động

của Phòng Quản lý đô thị huyện Cử Chi

(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND

ngày 08 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Quản lý đô thị huyện Cử Chi là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi.

Phòng Quản lý đô thị huyện có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân huyện, đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Chức năng:

Phòng Quản lý đô thị huyện có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quản lý nhà nước về: xây dựng; kiến trúc; quy hoạch xây dựng; phát triển đô thị; nhà ở và công sở; vật liệu xây dựng; giao thông; hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phân cấp quản lý (gồm: thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, cấp, thoát nước; vệ sinh môi trường đô thị; công viên, cây xanh; chiếu sáng; rác thải; bến, bãi đỗ xe đô thị); phòng chống thiên tai (lũ, lụt, bão,...); chức năng quản lý trật tự đô thị (gồm: tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiểm tra việc chấp hành pháp luật trên các lĩnh vực quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường; lĩnh vực: trật tự lòng lề đường, vệ sinh môi trường nơi công cộng; thi hành các quyết định hành chính...).

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Quản lý đô thị huyện có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao:

a) Trình Ủy ban nhân dân huyện dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm; các chương trình, đề án, dự án đầu tư xây dựng về phát triển các ngành theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng trên địa bàn; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

b) Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính về lĩnh vực được phân công sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến, hướng dẫn văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách, chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực được phân công.

c) Giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp và thu hồi các loại giấy phép, quyết định cấp đổi số nhà thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

d) Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của Phòng.

đ) Được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc huyện và Ủy ban nhân dân xã, thị trấn cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân huyện và các Sở liên quan.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra và đề xuất xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật, thuộc các lĩnh vực được phân công trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động các lĩnh vực được phân công trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân huyện.

g) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực được phân công cho cán bộ, công chức xã, thị trấn trên địa bàn.

h) Quản lý tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân huyện.

i) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 1 năm và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân huyện, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

k) Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố quy định, trong đó có phòng, chống thiên tai (lũ, lụt, bão,...).

2. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về lĩnh vực xây dựng, quy hoạch, kiến trúc:

a) Giúp và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép xây dựng công trình, giấy phép đào đường và kiểm tra việc xây dựng công trình, đào đường theo giấy phép được cấp trên địa bàn huyện theo sự phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Tổ chức thực hiện việc giao nộp và lưu trữ hồ sơ, tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, hồ sơ, tài liệu hoàn công công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, hoặc tổ chức lập đề Ủy ban nhân dân huyện trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

đ) Tổ chức lập, thẩm định Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thuộc địa giới hành chính của huyện để Ủy ban nhân dân huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hoặc Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt theo phân cấp.

e) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng các công trình theo Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức công bố, công khai các Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị; cung cấp thông tin về quy hoạch, kiến trúc đô thị; quản lý các mốc giới, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng trên địa bàn huyện theo phân cấp.

g) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, duy tu, bảo trì, quản lý, khai thác, sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm: cấp, thoát nước; vệ sinh môi trường; công viên, cây xanh; chiếu sáng; rác thải; bến, bãi đỗ xe đô thị; thông tin liên lạc; cung cấp năng lượng và các công trình khác) trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố, huyện.

h) Giúp Ủy ban nhân dân huyện trong việc tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về nhà ở và công sở; quản lý quỹ nhà ở và quyền quản lý sử dụng công sở trên địa bàn huyện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức thực hiện công tác điều tra, thống kê, đánh giá định kỳ về nhà ở và công sở trên địa bàn huyện.

i) Thực hiện công tác thu thập, cập nhật số liệu hiện trạng liên quan đến việc xây dựng phát triển đô thị, về các công trình xây dựng, về cơ sở hạ tầng bao gồm mạng lưới hạ tầng kỹ thuật (giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, cấp thoát nước, cấp điện, các công trình ngầm...) và hạ tầng xã hội (công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ, công viên cây xanh...) trên địa bàn huyện và quản lý theo quy định.

k) Giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hướng dẫn hoạt động đối với các hội; tổ chức phi chính phủ hoạt động trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về lĩnh vực giao thông vận tải:

a) Trình Ủy ban nhân dân huyện dự thảo: chương trình, giải pháp huy động, phối hợp liên ngành trong thực hiện công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn; các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; về phân loại đường theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức quản lý, bảo trì, bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình giao thông đường bộ, đường thủy nội địa địa phương đang khai thác do huyện chịu trách nhiệm quản lý.

c) Quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm công trình giao thông, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông; phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc giải tỏa lấn chiếm hành lang an toàn giao

thông trên địa bàn theo hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện.

đ) Tham gia Ban An toàn giao thông huyện; phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai hoạt động tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải và hàng không xảy ra trên địa bàn huyện.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về lĩnh vực Quản lý trật tự đô thị:

a) Phối hợp lập chương trình, kế hoạch về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiểm tra việc chấp hành pháp luật trên các lĩnh vực quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt và tổ chức thực hiện;

b) Giúp Ủy ban nhân dân huyện tổ chức kiểm tra, kịp thời phát hiện, lập biên bản yêu cầu tổ chức và cá nhân đình chỉ ngay các hành vi vi phạm trật tự lòng lề đường, vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện.

c) Tham mưu, đề xuất về các hình thức xử lý vi phạm hành chính trên các lĩnh vực: trật tự đô thị, vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật và Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định; theo dõi việc thực hiện các quyết định đã tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành, đôn đốc thực hiện các quyết định đã có hiệu lực thi hành; đề xuất biện pháp cưỡng chế và tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế đối với tổ chức và cá nhân trên địa bàn huyện không tự giác chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

d) Phạm vi thi hành các quyết định hành chính gồm: quyết định giải quyết tranh chấp nhà, đất của cơ quan hành chính Nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật; quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hình thức phạt bổ sung; quyết định giải quyết khiếu nại tố cáo đã có hiệu lực pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố hoặc quyết định giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính ở Trung ương có hiệu lực thi hành tại địa bàn huyện; quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành và phân công Đội Quản lý trật tự đô thị huyện thực hiện.

đ) Hướng dẫn, hỗ trợ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện quyết định cưỡng chế khi có yêu cầu;

e) Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xử lý cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thi hành nhiệm vụ, công vụ;

g) Giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực: trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn;

h) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và pháp luật về quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quy định cụ thể bằng văn bản.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác:

a) Xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và các công trình phòng, chống lũ, lụt, bão trên địa bàn. Thực hiện nhiệm vụ thường trực của Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão; tìm kiếm cứu nạn theo quy định; đề xuất phương án, biện pháp và tham gia chỉ đạo việc phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai về lũ, lụt, bão, sạt, lở, hạn hán... trên địa bàn.

b) Phối hợp với thanh tra và các cơ quan kiểm tra, xử lý đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao trên địa bàn huyện.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác về các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Quản lý đô thị huyện có Trưởng phòng phụ trách và không quá 03 Phó Trưởng phòng giúp việc cho Trưởng phòng. Phòng Quản lý đô thị làm việc theo chế độ Thủ trưởng.

a) Trưởng phòng là người đứng đầu cơ quan, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc các Sở liên quan đến chức năng, nhiệm vụ về thực hiện các mặt công tác chuyên môn.

b) Việc bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ; việc miễn nhiệm, khen

thường, kỹ luật Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thực hiện theo quy định của pháp luật.

c) Các Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được Trưởng phòng phân công; khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng. Các Phó Trưởng phòng thực hiện các công việc do Trưởng phòng phân công theo lĩnh vực và liên đới chịu trách nhiệm trước cấp trên những phần việc được phân công phụ trách.

d) Tùy theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực của cán bộ lãnh đạo Phòng (Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng), trong số các lãnh đạo Phòng phải có ít nhất 01 người được phân công chuyên trách quản lý, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước ngành xây dựng và theo chuyên ngành cụ thể.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý đô thị trên địa bàn huyện được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Quản lý đô thị huyện tổ chức thành các Tổ gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Tổ Cấp giấy phép xây dựng;
- Tổ Quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị;
- Tổ Quản lý nhà ở và công sở;
- Tổ Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Tổ Hành chính, quản trị.
- Đội Quản lý trật tự đô thị.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân huyện có thể phân công cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể làm công tác quản lý ngành của Phòng Quản lý đô thị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho huyện hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cơ quan một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan phải thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mọi quan hệ công tác**1. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:**

Phòng Quản lý đô thị chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện về toàn bộ công tác của Phòng. Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

2. Đối với Sở, ngành thành phố:

Phòng Quản lý đô thị chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở liên quan; báo cáo kết quả hoạt động công tác chuyên môn định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc các Sở liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân huyện:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân huyện nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của huyện. Trường hợp chủ trì phối hợp công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Quản lý đô thị chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân xã, thị trấn thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ xã, thị trấn về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của huyện:

a) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, thị trấn thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 về việc ban hành quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng.

b) Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, xã, thị trấn, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của huyện có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Quản lý đô thị huyện có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức và người lao động của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định để thi hành.

Điều 9. Trưởng Phòng Quản lý đô thị có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Quản lý đô thị sau khi được Ủy ban nhân dân huyện quyết định. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi có sự thỏa thuận của Trưởng Phòng Nội vụ huyện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5550/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Về việc bãi bỏ Quyết định số 3807/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2011
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3908/TTr-STP-PBGDPL ngày 03 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 3807/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể thành phố có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện; các thành viên Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5662/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch phát triển nghề luật sư đến năm 2020
tại Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Luật sư năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến năm 2020*”;

Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “*Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020*”;

Căn cứ Quyết định số 1759/QĐ-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến năm 2020*”;

Căn cứ Quyết định số 2320/QĐ-BTP ngày 13 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Tư pháp ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3936/TTr-STP ngày 07 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển nghề luật sư đến năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ nhiệm Đoàn Luật sư thành phố, Chủ tịch Hội Luật gia thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Phát triển nghề luật sư đến năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5662/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

A. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

I. Mục đích

1. Triển khai, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án “*Phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến năm 2020*” ban hành kèm theo Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án); “*Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020*” ban hành kèm theo Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ (Chiến lược); Quyết định số 1759/QĐ-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến năm 2020*” và Quyết định số 2320/QĐ-BTP ngày 13 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch tổng thể triển khai Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020.

2. Xác định các hoạt động, nhiệm vụ cụ thể để triển khai thực hiện, thời hạn hoàn thành, trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện Đề án, Chiến lược trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Yêu cầu

1. Thực hiện đầy đủ, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp được quy định tại Đề án, Chiến lược của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch triển khai Đề án, Chiến lược của Bộ trưởng Bộ Tư pháp nhằm phát triển nghề luật sư trên địa bàn thành phố theo hướng chuyên nghiệp hóa, đáp ứng được các yêu cầu của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

2. Xác định lộ trình, chỉ tiêu phần đầu trong từng giai đoạn phát triển đội ngũ luật sư phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh và mục tiêu quy định trong Đề án, Chiến lược. Phần đầu đến năm 2020 có trên 50 luật sư hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài, đồng thời phát triển được khoảng 10 tổ chức hành nghề luật sư có quy mô từ 50 đến 100 luật sư/ 01 tổ chức, trong đó, có ít nhất 04 tổ chức hành nghề luật sư của Việt Nam có thương hiệu, uy tín trong khu vực và thế giới.

3. Các hoạt động, nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch phát triển nghề luật sư phải mang tính khả thi; phù hợp chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức được phân công; đề cao trách nhiệm đồng thời đảm bảo sự phối hợp hiệu quả của các cơ quan, tổ chức trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nghề luật sư đến năm 2020 tại thành phố.

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. Giai đoạn 2013 - 2015

1. Triển khai, thực hiện các quy định pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư; đề xuất, kiến nghị giải pháp nhằm xây dựng, hoàn thiện thể chế và chính sách về luật sư và hành nghề luật sư

1.1. Triển khai, thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành; đề xuất, kiến nghị giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc (nếu có).

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

1.2. Nghiên cứu, rà soát các quy định của pháp luật tố tụng có liên quan đến vị trí, vai trò của luật sư, tổ chức và hoạt động của luật sư trong tiến trình cải cách tư pháp, đặc biệt là cải cách mô hình cơ quan tố tụng, quy trình tố tụng; kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về tố tụng có liên quan đến quy trình, thủ tục tham gia tố tụng, vị trí, vai trò hoạt động hành nghề của luật sư.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

2. Tăng cường hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của luật sư trong xã hội

2.1. Triển khai, thực hiện các hoạt động tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho các luật sư, tổ chức hành nghề luật sư theo Hệ tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố, Báo Pháp luật thành phố, Đài Truyền hình, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

2.2. Thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến nâng cao vị trí, vai trò của luật sư trong xã hội; khuyến khích việc sử dụng luật sư trong các hoạt động tham gia tố tụng, dịch vụ tư vấn pháp lý của luật sư trong các giao dịch, dự án, hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức...

a) Đơn vị chủ trì: Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, các phương tiện thông tin đại chúng và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

3. Nâng cao chất lượng đội ngũ luật sư

3.1. Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá về thực trạng đội ngũ luật sư trên địa bàn thành phố.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2014.

3.2. Giám sát người tập sự hành nghề luật sư, luật sư hướng dẫn và tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự trong việc thực hiện Quy chế tập sự hành nghề luật sư.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

3.3. Triển khai thực hiện bồi dưỡng bắt buộc đối với luật sư theo quy định.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

3.4. Xây dựng Kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, kỹ năng hành nghề, đạo đức ứng xử nghề nghiệp luật sư; tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo trao đổi kinh nghiệm pháp luật. Bảo đảm đến năm 2015 có ít nhất 30% số lượng luật sư là thành viên Đoàn Luật sư thành phố được bồi dưỡng thường xuyên.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

4. Phát triển tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn Thành phố

4.1. Tổ chức các chương trình bồi dưỡng, tọa đàm, hội thảo trao đổi kinh nghiệm về kỹ năng quản trị, điều hành tổ chức hành nghề luật sư cho các luật sư trên địa bàn thành phố nhằm hỗ trợ cho các luật sư kiến thức về tổ chức quản lý hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, phục vụ cho việc phát triển quy mô, cũng như chuyên nghiệp hóa đối với các tổ chức hành nghề luật sư.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

4.2. Nghiên cứu, thực hiện các biện pháp nhằm phát triển tổ chức hành nghề luật sư phù hợp với nhu cầu của xã hội về dịch vụ pháp lý, phát triển tổ chức hành nghề luật sư có quy mô lớn hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực thương mại quốc tế, có khả năng cạnh tranh với các tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài. Phân đầu đến năm

2015, trên địa bàn Thành phố có ít nhất 02 tổ chức hành nghề luật sư có quy mô từ 50 đến 100 luật sư/01 tổ chức hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài.

a) Đơn vị thực hiện: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Cục Thuế, Hội Luật gia thành phố, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội doanh nghiệp thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

5. Phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập quốc tế trên địa bàn thành phố

5.1. Tập hợp các luật sư hoạt động chuyên sâu theo lĩnh vực pháp luật phục vụ cho quá trình hội nhập quốc tế; xây dựng và phát triển nhóm, câu lạc bộ của các luật sư này để giao lưu, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và thực hiện các hoạt động phục vụ cho quá trình hội nhập quốc tế.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015

5.2. Xây dựng Kế hoạch và thực hiện tập huấn kiến thức pháp luật chuyên sâu về thương mại quốc tế cho các đối tượng là luật sư phục vụ cho quá trình hội nhập quốc tế.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

5.3. Xây dựng và thực hiện cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các luật sư tham gia vào các chương trình đào tạo theo Đề án của Chính phủ, cũng như chính sách thu hút các luật sư được cử đi đào tạo theo Đề án của Chính phủ hoặc tự đào tạo ở nước ngoài tham gia hành nghề tại Thành phố Hồ Chí Minh và có cơ chế sử dụng hiệu quả đội ngũ luật sư này. Phấn đấu đến năm 2015, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có ít nhất 15 luật sư hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố, Sở Tài chính và các cơ quan, tổ chức khác.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2014 - 2015.

6. Phát triển hoạt động hành nghề luật sư; phát huy vai trò của luật sư trong đổi mới hoạt động tố tụng, góp phần đẩy mạnh Cải cách tư pháp

6.1. Xây dựng Kế hoạch và thực hiện tăng cường sự tham gia của luật sư vào các dự án công.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn Luật sư, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội doanh nghiệp thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

6.2. Xây dựng Kế hoạch và thực hiện tăng cường sự tham gia của luật sư trong hoạt động trợ giúp pháp lý cho các đối tượng được trợ giúp pháp lý.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

6.3. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích sự tham gia của luật sư trong các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố, bảo đảm các luật sư tham gia đầy đủ, có chất lượng các vụ án theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng. Phần đầu đến năm 2015 có trên 20% các vụ án hình sự do Tòa án xét xử trên địa bàn thành phố có luật sư tham gia.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Công an thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

6.4. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích và huy động sự tham gia đóng góp ý kiến của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư trong các chương trình kinh tế - xã

hội của thành phố, tham gia xây dựng chính sách, pháp luật nói chung và chính sách, pháp luật liên quan đến cải cách hành chính, cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

7. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý về luật sư và hành nghề luật sư; nâng cao chế độ tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư

7.1. Triển khai, thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác quản lý luật sư và hành nghề luật sư trên địa bàn thành phố.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

7.2. Tăng cường thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về tổ chức và hoạt động luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tập sự hành nghề luật sư tại Thành phố Hồ Chí Minh.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

7.3. Triển khai hoạt động cấp, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động liên quan đến luật sư và tổ chức hành nghề luật sư theo hướng tinh giản hóa các thủ tục, đáp ứng được yêu cầu của cải cách thủ tục hành chính, đồng thời tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước đối với luật sư và tổ chức hành nghề luật sư.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

7.4. Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tự quản của Đoàn Luật sư, tăng cường công tác giám sát luật sư, hoạt động hành nghề luật sư,

xử lý kỷ luật và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật và vi phạm quy tắc đạo đức ứng xử nghề nghiệp luật sư; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức Đảng trong Đoàn Luật sư thành phố.

- a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.
- b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- c) Thời gian thực hiện: Năm 2013 - 2015.

II. Giai đoạn 2016 - 2020

1. Triển khai, thực hiện các quy định pháp luật về luật sư và hành nghề luật sư; đề xuất, kiến nghị giải pháp nhằm xây dựng, hoàn thiện thể chế và chính sách về luật sư và hành nghề luật sư

1.1. Tổng kết 10 năm thi hành Luật Luật sư năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư năm 2012, đề xuất kiến nghị những giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế về luật sư và hành nghề luật sư.

- a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.
- b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức khác.
- c) Thời gian thực hiện: Năm 2016.

1.2. Tiếp tục triển khai, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến luật sư và hành nghề luật sư.

- a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.
- b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức khác.
- c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

2. Tăng cường hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của luật sư trong xã hội

2.1. Tiếp tục thực hiện các hoạt động tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho các luật sư, tổ chức hành nghề luật sư theo Hệ tiêu chí do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.
- b) Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Đoàn Luật sư, Hội Luật gia

thành phố, Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, Đài Truyền hình, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

2.2. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến nâng cao vị trí, vai trò của luật sư trong xã hội.

a) Đơn vị chủ trì: Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố, Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, các phương tiện thông tin đại chúng và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

3. Phát triển số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ luật sư

3.1. Xây dựng Kế hoạch và thực hiện phát triển đội ngũ luật sư đến năm 2020 trên địa bàn thành phố có khoảng 7.000 luật sư.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

3.2. Tiếp tục công tác giám sát người tập sự hành nghề luật sư, luật sư hướng dẫn và tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự trong việc thực hiện Quy chế tập sự hành nghề luật sư.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

3.3. Tiếp tục thực hiện bồi dưỡng bắt buộc; thực hiện bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, kỹ năng hành nghề, đạo đức ứng xử nghề nghiệp luật sư. Bảo đảm đến năm 2020, 100% luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố được bồi dưỡng thường xuyên.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

4. Phát triển tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn thành phố

4.1. Tiếp tục triển khai tổ chức các chương trình bồi dưỡng, tọa đàm, hội thảo trao đổi kinh nghiệm về kỹ năng quản trị, điều hành tổ chức hành nghề luật sư cho các luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố.

a) Đơn vị thực hiện: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

4.2. Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp nhằm phát triển tổ chức hành nghề luật sư. Phấn đấu đến năm 2020, phát triển được trên địa bàn thành phố khoảng 10 tổ chức hành nghề luật sư có quy mô từ 50 đến 100 luật sư/01 tổ chức hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài, trong đó, có ít nhất 04 tổ chức hành nghề luật sư của Việt Nam có thương hiệu, uy tín trong khu vực và thế giới.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Cục Thuế, Hội Luật gia thành phố, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội doanh nghiệp thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

5. Phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập quốc tế trên địa bàn thành phố

5.1. Tiếp tục củng cố và phát triển những nhóm, câu lạc bộ các luật sư hoạt động chuyên sâu theo lĩnh vực pháp luật phục vụ cho quá trình hội nhập quốc tế.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

5.2. Tăng cường các hoạt động bồi dưỡng kiến thức pháp luật chuyên sâu về

thương mại quốc tế cho các đối tượng là luật sư phục vụ cho quá trình hội nhập quốc tế.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

5.3. Triển khai, thực hiện chính sách thu hút và sử dụng hiệu quả đội ngũ luật sư được cử đi đào tạo theo Đề án của Chính phủ hoặc tự đào tạo ở nước ngoài về hành nghề tại Thành phố Hồ Chí Minh. Phần đầu đến năm 2020 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có trên 50 luật sư hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, thương mại có yếu tố nước ngoài.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố, Sở Tài chính và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

6. Phát triển hoạt động hành nghề luật sư; phát huy vai trò của luật sư trong đổi mới hoạt động tổ tụng, góp phần đẩy mạnh Cải cách tư pháp

6.1. Xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý của luật sư trong các giao dịch, dự án, hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức... bảo đảm đến năm 2020 có trên 50% số lượng các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý của luật sư.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn Luật sư, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệp hội doanh nghiệp thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

6.2. Tiếp tục triển khai, thực hiện Kế hoạch tăng cường sự tham gia của luật sư trong hoạt động trợ giúp pháp lý cho các đối tượng được trợ giúp pháp lý.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

6.3. Triển khai, thực hiện cơ chế khuyến khích sự tham gia của luật sư trong các vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố. Phân đầu đến năm 2020 có trên 50% các vụ án hình sự do Tòa án xét xử trên địa bàn thành phố có luật sư tham gia.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Công an thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

6.4. Triển khai thực hiện cơ chế khuyến khích và huy động sự tham gia đóng góp ý kiến của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư trong các chương trình kinh tế - xã hội của thành phố, tham gia xây dựng chính sách, pháp luật nói chung và chính sách, pháp luật liên quan đến cải cách hành chính, cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

7. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý về luật sư và hành nghề luật sư; nâng cao chế độ tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp luật sư

7.1. Tiếp tục triển khai, thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác quản lý luật sư và hành nghề luật sư trên địa bàn thành phố.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

7.2. Tiếp tục tăng cường thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về tổ chức và hoạt động luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tập sự hành nghề luật sư tại Thành phố.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

7.3. Nghiên cứu, đề xuất việc triển khai hoạt động cấp Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư qua mạng internet.

a) Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Đoàn Luật sư, Hội Luật gia thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

7.4. Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tự quản của Đoàn Luật sư, tăng cường công tác giám sát luật sư, hoạt động hành nghề luật sư, xử lý kỷ luật và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật và vi phạm quy tắc đạo đức ứng xử nghề nghiệp luật sư, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức Đảng trong Đoàn Luật sư thành phố.

a) Đơn vị chủ trì: Đoàn Luật sư.

b) Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Phân công thực hiện

1. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với Đoàn Luật sư thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện những nhiệm vụ theo Kế hoạch này;

- Định kỳ hàng năm, từng giai đoạn, giúp Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tư pháp về tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nghề luật sư;

- Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố các công tác sơ kết, tổng kết triển khai, thực hiện Kế hoạch phát triển nghề luật sư;

- Chủ động theo dõi việc triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch phát triển nghề luật sư. Tập hợp những khó khăn, vướng mắc do các cơ quan, đơn vị phản ánh trong quá trình thực hiện Kế hoạch phát triển nghề luật sư, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính

Thẩm định dự toán và bố trí kinh phí cho các cơ quan, tổ chức được phân công trách nhiệm là đơn vị chủ trì để triển khai, thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch phát triển nghề luật sư theo quy định pháp luật.

3. Đoàn Luật sư

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Đoàn Luật sư thành phố có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai, thực hiện Kế hoạch phát triển nghề luật sư;

- Định kỳ hàng năm, từng giai đoạn xây dựng Báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nghề luật sư gửi Ủy ban nhân dân thành phố để tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp.

4. Hội Luật gia thành phố

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Hội Luật gia thành phố có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai, thực hiện Kế hoạch phát triển nghề luật sư.

5. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị chủ trì thực hiện những nhiệm vụ theo Kế hoạch phát triển nghề luật sư.

II. Kinh phí

Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nghề luật sư bao gồm kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và kinh phí đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức hành nghề luật sư, các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3194/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 08 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ văn bản**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 2215/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận 6 về việc giải thể Thanh tra Xây dựng quận 6 và Thanh tra Xây dựng 14 phường thuộc quận 6;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Công văn số 268/TP ngày 08 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 02 (hai) văn bản của Ủy ban nhân dân quận 6 do không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (Danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 6, Thủ trưởng các ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH****Ngô Thành Luông**

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÔNG BỐ BÃI BỎ
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3194/QĐ-UBND
ngày 08/10/2013 của Ủy ban nhân dân Quận 6)*

STT (3)	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
Quyết định của Ủy ban nhân dân quận 6					
1	66/2008/QĐ-UBND	10/01/2008	Về phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra xây dựng 14 phường tại quận 6	08/10/2013	Quyết định của UBND quận 6 về bãi bỏ văn bản
2	67/2008/QĐ-UBND	10/01/2008	Về phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra xây dựng quận 6	08/10/2013	Quyết định của UBND quận 6 về bãi bỏ văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3195/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 08 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố văn bản hết hiệu lực thi hành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Công văn số 268/TP ngày 08 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố 01 (một) văn bản do Ủy ban nhân dân quận 6 ban hành hết hiệu lực thi hành (Danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 6, Thủ trưởng các ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Thành Luông

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC
DO ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6 BAN HÀNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3195/QĐ-UBND
ngày 08/10/2013 của Ủy ban nhân dân Quận 6)

STT (3)	Số, ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực
Quyết định của Ủy ban nhân dân quận 6					
1	10/2011/QĐ-UBND-TCKH	19/12/2011	Về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2012	01/01/2013	Văn bản minh thị thời gian hết hiệu lực

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng